

BÁO CÁO TUẦN 17

28/04/2025 – 02/05/2025

VN-Index tiếp tục vận động tích lũy 1,200 – 1,240 điểm



MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục vận động tích lũy 1,200 – 1,240 điểm*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ +7.63%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	25/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5525.21	0.7%	4.6%	-3.3%	9.4%
EU (EURO STOXX 50)	5154.12	0.8%	4.4%	-4.8%	4.4%
Trung Quốc (SHCOMP)	3295.06	-0.1%	0.6%	-2.2%	7.9%
Nhật Bản (NIKKEI)	35705.74	1.9%	2.8%	-6.1%	-5.1%
Hàn Quốc (KOSPI)	2546.3	1.0%	2.5%	-3.7%	-3.1%
Singapore (STI)	3823.78	-0.2%	2.8%	-3.5%	16.3%
Thái Lan (SET)	1159	1.1%	0.7%	-2.6%	-15.0%
Phillipines (PCOMP)	6268.75	1.8%	2.2%	1.7%	-4.7%
Malaysia (KLCI)	1509.2	0.2%	0.7%	-0.6%	-3.8%
Indonesia (JCI)	6678.915	1.0%	3.7%	3.2%	-6.7%
Việt Nam (VNI)	1229.23	0.5%	0.8%	-7.3%	2.0%
Việt Nam (HNX)	211.72	0.3%	-0.6%	-12.3%	-7.0%
Việt Nam (UPCOM)	92.27	0.5%	1.1%	-6.7%	4.5%

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	25/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,319.7	-0.9%	-0.2%	9.9%	42.3%
Bạc	USD/ozt	33.1	-1.4%	1.7%	-1.6%	20.7%
Thép HRC	USD/T.	944.0	0.0%	0.4%	4.3%	16.3%
Nhôm	USD/MT	2,414.8	-1.0%	2.9%	-6.6%	-5.0%
Niken	USD/MT	15,407.7	-1.8%	-0.6%	-4.1%	-19.1%
Quặng sắt	CNY/MT	763.5	-1.0%	0.7%	-3.5%	-17.1%
Dầu Brent	USD/bbl.	66.9	0.5%	-1.6%	-9.4%	-24.9%
Dầu WTI	USD/bbl.	63.0	0.4%	-2.6%	-9.5%	-24.6%
Xăng	USD/gal.	211.9	0.6%	1.0%	-5.1%	-23.2%
Than đá	USD/MT	93.8	-0.1%	-1.4%	-3.1%	-27.5%
Đậu tương	USD/bu.	1,049.8	-0.3%	1.3%	4.9%	-9.7%
Cao su	JPY/kg	283.8	-1.5%	-3.9%	-19.8%	-7.6%
Đường	USD/MT	514.0	1.9%	3.0%	-4.9%	-8.8%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

TTCK hồi phục nhờ tâm lý lạc quan về chuyển biến về thuế quan

Phố Wall tăng 3 phiên liên tiếp do NĐT lạc quan với những dấu hiệu tiến triển thương mại toàn cầu. Các chỉ số chứng khoán Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq thu hẹp mức giảm YTD xuống còn 5.7%, 6.7% và 11.1%. TTg Trump sẵn sàng tiếp cận ít đối đầu hơn với Trung Quốc trong khi bộ trưởng tài chính cho biết có thể sớm đạt được thỏa thuận với Hàn Quốc. TT hàng hóa và tiền điện tử cũng hồi phục trong khi vàng giảm sau nhiều tuần tăng điểm.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng bình quân 5% tính đến 25/4, EU600 +2.9%, Nikkei 225 +2.7%; CSI 300 +0.4%.
- Chỉ số hàng hóa +0.5%, trong đó các kim loại (Đồng +3.3%, Thiếc +3.7%), Ure +8%, Nông sản (Coffee +7.6%, Cocoa +13%) trong khi Vàng -3.9%.
- Chỉ số DXY +0.3% và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y giảm -0.1%.

Trong báo cáo khảo sát kinh tế Beige book, FED nhận định triển vọng kinh tế tại nhiều lĩnh vực đã xấu đi đáng kể do các yếu tố bất định, đặc biệt bất ổn liên quan đến chính sách thuế quan mới. Hoạt động sản xuất tại 2/3 trong số 12 khu vực chi nhánh FED có dấu hiệu đình trệ hoặc suy giảm. Lĩnh vực du lịch chững lại và một số nơi có khách quốc tế giảm mạnh. Thị trường ô tô lại có doanh số từ trung bình đến mạnh ở nhiều nơi do người tiêu dùng tranh thủ mua xe trước khi áp thuế nhập khẩu. Khảo sát được FED thực hiện trước thời điểm 14/4 đã cho thấy các yếu tố bất ổn xuất hiện đe dọa nền kinh tế Hoa Kỳ.

PMI Anh, Nhật, Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ; GDP Canada, Hoa Kỳ; CPI Úc, EU; Lãi suất, biên bản chính sách tiền tệ Nhật; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, PMI, cán cân thương mại, chỉ số niềm tin tiêu dùng và tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ là thông tin chú ý trong tuần tới.

TTCK VIỆT NAM

Nhóm cổ phiếu VIC tiếp tục nâng đỡ chỉ số

VN-Index tăng 0.8% sau 1 tuần giảm với thanh khoản tăng 6% chủ yếu đến từ phiên bắt đáy 22/4. Thông tin tích cực từ ĐHCĐ, nhóm cổ phiếu VIC dẫn dắt chỉ số hồi phục. Mùa ĐHCĐ và thông tin KQKD quý I đang dần qua cao trào, ETF nội cơ cấu và thông tin về đàm phán sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến thị trường trong tuần tới.

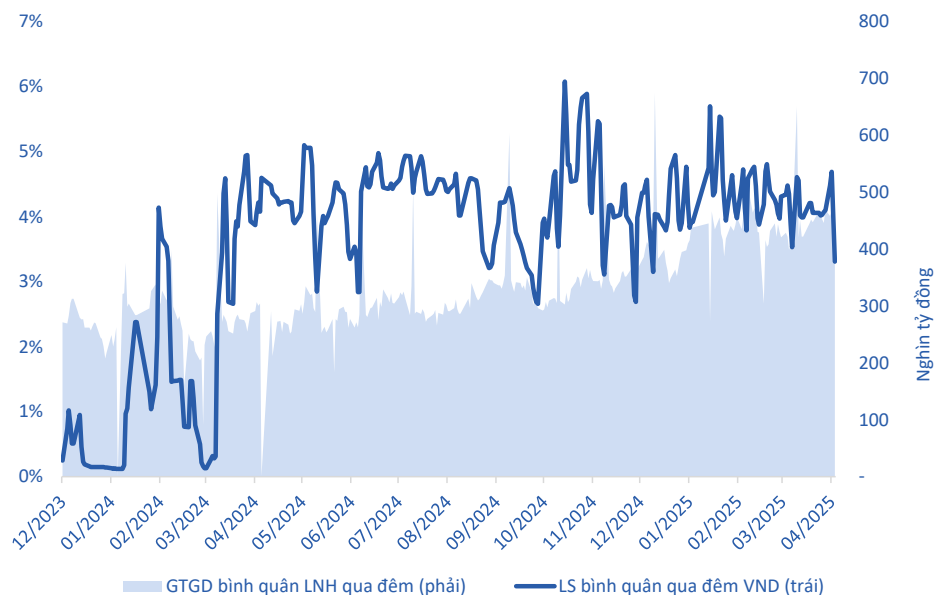
- Nhóm cổ phiếu VIC đóng 10.3 điểm trong tuần qua trong khi phần lớn các cổ phiếu Ngân hàng giảm điểm. Số lượng cổ phiếu tăng giảm trên Hose khá cân bằng.
- Độ rộng thị trường theo ngành cải thiện tích cực với 14/18 ngành tăng điểm. Bán lẻ, thực phẩm và đồ uống, những ngành không bị ảnh hưởng từ thuế quan, tăng lần 3% và 6.9% trong khi Du lịch và giải trí; dịch vụ tài chính giảm 3.5% và 2.1%.
- Khối ngoại quay lại mô ròn 19 triệu USD từ mức bán ròng 188 triệu USD tuần trước.

Cuộc họp ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành 22-28/4 xem xét một số nội dung quan trọng về kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách 2025. Cuộc họp cũng xem xét 5 dự luật, trong đó nổi bật là Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND, Luật Doanh nghiệp, Luật sửa đổi và bổ sung cho Luật đấu thầu, đầu tư. Các Nghị quyết về cơ chế, chính sách phát triển nhà xã hội; giảm thuế 2% VAT trong 6 tháng 2025 và cả năm năm 2026; miễn học phí cho cấp mầm non phổ thông khoảng 30,000 tỷ cũng được thảo luận trước khi chính thức thông qua tại kỳ họp Quốc hội VX khai mạc 5/5/2025.

Những phiên rung lắc mạnh vẫn đang diễn ra tạo điều kiện cho hoạt động tích lũy cổ phiếu dù vậy NĐT vẫn cần giữ tỷ trọng danh mục cân bằng để linh hoạt trước biến động khó lường trong ngắn hạn.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7
Tuần 13	49,964.1	64,201.7	14,237.6	95,885.3
Tuần 14	50,133.8	74,054.0	23,920.3	119,805.5
Tuần 15	72,035.4	63,678.8	(8,356.6)	111,449.0
Tuần 16	62,185.0	42,460.4	(19,724.6)	91,724.4

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.11%	4.40%	4.40%	4.74%
So với tuần trước	+0.05%	+0.14%	+0.08%	+0.05%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	458,594.5	4,245.0	4,335.8	6,376.0
So với tuần trước	-0.06%	-61.70%	-14.88%	+1.79%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 24/04/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 16, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 42,460.4 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -19,724.6 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định trong vùng 4.0% - 4.5%.

PTKT: VN-Index tiếp tục vận động tích lũy 1,200 – 1,240 điểm

Đồ thị ngày: Sau phiên rung lắc 22/4, VN-Index có liền 3 liên tăng điểm, vượt qua SMA20 với thanh khoản ở mức trung bình. Lực cầu bắt đáy tốt ở vùng giá thấp và sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu lớn giúp VN-Index nhanh chóng ổn định và củng cố vùng tích lũy sau vùng đáy. Các chỉ báo kỹ thuật giữ ở mức trung bình, dải bollinger band thu hẹp nhẹ và chưa cho thấy chỉ số sớm thoát khỏi vùng biến động mạnh.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng nhẹ từ mức 43 lên 47 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và dưới mức 0. Thanh khoản tăng 6% với mức bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index vượt nhẹ trên SMA 20 và nằm dưới SMA 50, 100, 200.

Kết luận: Trong tuần qua VN-Index tiếp tục có phiên biến động mạnh nhưng nhanh chóng hồi phục vào hình thành nến dragonfly doji và cũng như có thêm 3 cây nến doji sau đó. Cây nến tuần cũng cho thấy nỗ lực tích lũy lại và sẵn sàng kiểm tra lại SMA200 tuần tại 1,235 – 1,240 điểm. Với 2 tuần đi ngang, VN-Index không còn duy trì mô hình chữ V mà chuyển dần sang mô hình tích lũy sau đáy. Mẫu hình W lịch có thể được xác nhận khi chỉ số vượt 1,240 điểm trong tuần với thanh khoản thuyết phục. Dù vậy khả năng giảm co tích lũy dự báo chiếm ưu thế trong tuần tới do vận động giá vẫn đang phụ thuộc khá nhiều vai trò dẫn dắt từ nhóm cổ phiếu VIC.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VHM	13.27	7.18
MWG	7.65	1.52
MSN	6.90	1.38
VRE	11.76	1.31
VNM	3.00	0.85
VIC	1.36	0.82
SAB	4.54	0.66
VJC	5.20	0.58
NVL	12.20	0.55
FRT	11.26	0.54
Tổng		15.39

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
BID	-2.64	-1.60
VCB	-1.03	-1.20
LPB	-4.72	-1.14
VPB	-2.65	-0.85
SSB	-6.46	-0.85
GVR	-2.86	-0.67
ACB	-2.45	-0.64
CTG	-0.80	-0.39
VND	-6.07	-0.35
SSI	-2.36	-0.26
Tổng		-7.95

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
HPG	507.40
MWG	332.27
VRE	136.90
BMP	134.56
STB	130.67
NVL	117.26
VHM	110.79
TCH	98.12
MSN	91.58
E1VFN30	87.17
Tổng	1,746.70

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FPT	-265.91
HCM	-161.85
FTS	-157.81
KBC	-152.35
TPB	-149.34
SHB	-134.71
GEX	-122.39
VNM	-113.11
VCI	-100.46
MCH	-80.23
Tổng	-1438.17

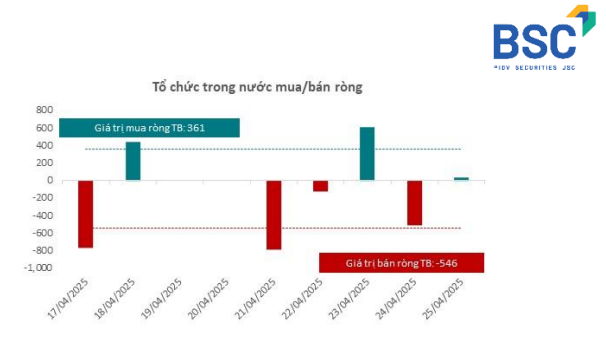
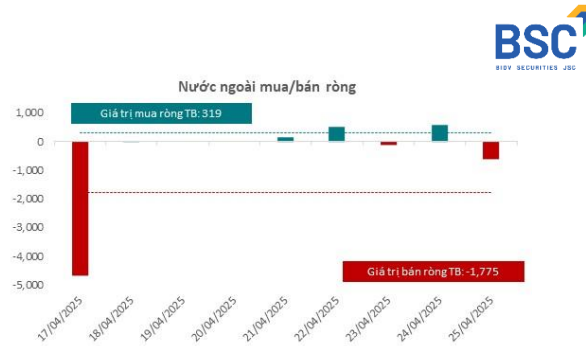
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Bán lẻ	0.41%	7.63%	-1.85%
Bất động sản	2.41%	5.96%	4.48%
Thực phẩm và đồ uống	2.14%	3.82%	-4.29%
Bảo hiểm	-0.22%	2.17%	-9.12%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.17%	1.97%	0.76%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
MWG	4,377,000	262.87	VIX	10,066,000	(130.82)	HPG	20,268,176	507.40	FPT	2,448,867	(265.91)	SHB	32,134,698	407.29	MWG	10,876,331	(636.85)
FPT	2,218,700	246.46	E1VFN30	3,699,400	(84.78)	MWG	5,814,331	332.27	HCM	6,463,719	(161.85)	VPB	20,321,790	332.96	VIC	7,102,448	(439.20)
VIC	3,654,800	232.62	SSI	3,165,110	(66.50)	VRE	6,804,530	136.90	FTS	4,301,650	(157.81)	ACB	13,182,945	313.92	HPG	15,685,957	(397.85)
MSN	2,779,600	168.58	ACB	1,375,655	(31.51)	BMP	984,600	134.56	KBC	7,158,734	(152.35)	HCM	9,835,884	245.48	VHM	4,012,960	(252.68)
VNM	2,588,400	148.05	EIB	761,400	(21.79)	STB	3,382,919	130.67	TPB	11,035,207	(149.34)	KBC	10,424,134	221.77	CTD	2,834,886	(228.32)
VHM	1,574,100	98.60	VTP	180,000	(19.33)	NVL	10,870,300	117.26	SHB	10,427,122	(134.71)	SSI	9,878,392	219.16	MSN	3,679,773	(225.09)
VJC	982,700	86.53	FRT	120,100	(18.92)	VHM	1,764,160	110.79	GEX	4,482,339	(122.39)	TPB	13,654,092	184.57	VRE	8,437,930	(176.70)
BVH	1,758,000	77.10	GMD	360,200	(16.89)	TCH	5,774,730	98.12	VNM	2,018,539	(113.11)	TCB	7,131,202	182.37	TCH	7,250,044	(124.74)
HPG	2,248,500	61.48	VCI	474,900	(16.86)	MSN	1,496,473	91.58	VCI	2,722,063	(100.46)	VCB	2,905,898	167.73	NVL	11,044,600	(118.82)
MBB	2,415,197	55.55	VHC	360,000	(16.44)	E1VFN30	3,799,480	87.17	VPB	4,716,468	(77.43)	MBB	6,864,913	163.42	BMP	812,000	(111.72)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	60.5	1.3%	1.6	89,475	637	2,544	23.8		47.3%	
KBC	Bất động sản	22.8	0.2%	1.70	17,501	148	498	45.8		15.7%	
KDH	Bất động sản	27.2	0.4%	1.25	27,503	105	863	31.5		36.0%	
PDR	Bất động sản	15.7	-1.3%	1.84	14,244	70	181	86.8	23,600	7.7%	Link
VHM	Bất động sản	62.3	1.8%	0.95	255,892	796	7349	8.5	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	112.4	0.4%	1.00	165,348	750	5618	20.0	163,000	41.7%	Link
BSR	Dầu khí	16.1	2.2%	0.00	49,763	69	204	78.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.1	-0.8%	1.33	12,475	85	2238	11.7	40,300	16.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.9	0.2%	1.54	17,891	196	1394	17.8		39.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	22.8	-0.9%	1.45	44,731	366	1536	14.9		35.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.4	-1.1%	1.57	26,103	242	1602	22.7		30.3%	
DCM	Hóa chất	31.9	1.3%	1.53	16,861	74	2682	11.9	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	91.2	-0.4%	1.40	34,636	107	8224	11.1	111,400	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	23.9	-1.0%	0.70	106,753	436	3708	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.0	-1.3%	0.81	245,748	94	3635	9.6	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.2	-0.7%	1.01	199,495	242	4720	7.9	50,000	26.8%	Link
HDB	Ngân hàng	21.3	0.0%	1.07	74,270	307	3667	5.8		16.7%	
MBB	Ngân hàng	23.6	1.3%	0.97	143,709	962	4049	5.8	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.3	-0.4%	1.16	29,380	86	2123	5.3	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	39.2	-2.6%	1.10	73,806	1142	5351	7.3		21.1%	
TCB	Ngân hàng	26.0	0.8%	1.14	183,333	747	3013	8.6	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	-0.4%	0.83	35,402	215	2298	5.8	-	23.3%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	-1.2%	0.66	480,451	214	4049	14.2		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.4	-1.7%	1.12	51,688	196	2424	7.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.5	-0.9%	1.01	130,910	628	2030	8.1	25,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	0.4%	1.18	164,384	757	1879	13.7	37,500	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	-1.1%	1.71	8,290	70	935	14.3	22,700	6.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	-2.7%	1.45	9,103	210	3930	6.9	31,000	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.0	3.5%	1.59	89,178	648	1518	40.8		25.0%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.3	3.6%	0.73	121,844	491	4494	13.0		48.9%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	32.8	0.0%	1.7	7,178	31.0	2,042	16.0	18.76%		Link
FRT	Bán lẻ	163.0	-3.0%	1.0	22,208	58.0	2,331	69.9	32.21%		
BVH	Bảo hiểm	46.1	-0.8%	0.9	34,221	29.4	2,843	16.2	26.67%		
DIG	Bất động sản	14.7	-1.3%	1.6	8,965	127.1	188	78.3	2.89%		
DXG	Bất động sản	14.9	-0.3%	1.6	12,976	211.9	347	42.9	20.63%		Link
HDC	Bất động sản	21.6	-1.6%	1.2	3,844	50.6	436	49.4	3.37%	3.43%	
HDG	Bất động sản	23.3	1.1%	1.4	7,820	51.5	1,036	22.5	19.46%		
IDC	Bất động sản	37.1	0.3%	1.2	12,243	65.2	6,049	6.1	17.31%		
NLG	Bất động sản	28.0	0.2%	1.3	10,782	61.5	1,827	15.3	37.85%	7.43%	Link
SIP	Bất động sản	61.6	-1.0%	0.0	12,969	366.7	5,584	11.0	4.79%		
SZC	Bất động sản	30.0	-1.2%	1.4	5,400	49.6	2,036	14.7	2.72%	11.78%	Link
TCH	Bất động sản	17.7	-0.3%	1.4	11,794	95.1	1,466	12.0	9.31%		Link
VIC	Bất động sản	67.0	6.9%	0.9	256,185	986.7	3,069	21.8	7.76%		
VRE	Bất động sản	22.8	0.0%	1.2	51,809	430.5	1,802	12.7	19.38%		
CMG	Công nghệ Thông tin	31.7	-0.9%	0.8	6,698	16.4	1,478	21.5	36.56%		
PLX	Dầu khí	34.3	1.8%	0.9	43,518	49.6	2,274	15.1	17.43%		Link
PVD	Dầu khí	17.8	-0.3%	1.4	9,867	85.8	1,255	14.1	8.12%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.7	-0.5%	1.8	11,212	117.2	1,816	20.2	29.13%	13.65%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.6	0.0%	1.8	15,236	81.5	1,650	16.1	6.91%	12.93%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.5	1.7%	0.7	137,046	53.1	4,439	13.2	1.71%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.9	-0.8%	1.0	27,868	100.2	475	25.1	3.65%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.9	2.2%	1.0	32,924	69.2	4,237	16.5	49.00%		
VJC	Du lịch và Giải trí	91.0	6.2%	0.6	49,287	161.2	2,632	34.6	12.54%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.6	1.0%	1.8	22,818	223.3	2,052	12.9	10.83%	12.76%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.0	4.1%	1.1	21,430	220.6	3,797	13.4	39.64%	11.91%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.5	1.5%	1.4	7,859	77.5	4,397	13.8	13.45%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.8	0.5%	1.2	7,405	36.2	3,071	6.8	11.24%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.1	1.0%	0.0	13,287	102.0	3,146	34.7	6.63%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	70.1	-1.3%	0.8	23,687	105.9	6,300	11.1	46.65%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.2	0.0%	0.86	2,974	37.0	2710	10.8	50.00%		

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	0.6%	1.3	2,035	14.9	2,580	6.4	16.97%	17.0%	
DPM	Hóa chất	32.5	0.0%	1.5	12,718	41.7	1,374	23.7	8.54%		Link
GVR	Hóa chất	23.8	1.1%	1.9	95,200	85.1	997	23.9	0.63%		
EIB	Ngân hàng	19.1	0.5%	0.9	35,485	105.9	1,786	10.7	3.97%		Link
LPB	Ngân hàng	32.3	-2.1%	0.9	96,489	210.9	3,333	9.7	0.78%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.6	1.8%	0.0	22,784	18.4	2,702	6.1	1.76%		
OCB	Ngân hàng	10.3	-1.9%	1.0	25,398	34.8	1,287	8.0	19.08%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.0	0.4%	1.7	5,348	54.7	1,344	8.9	5.63%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.5	-2.5%	1.5	4,114	10.3	612	25.3	0.58%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.8	-0.9%	0.8	10,580	107.2	1,515	23.0	4.04%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.6%	1.0	63,487	98.7	3,376	14.7	59.29%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.7	3.2%	1.2	11,155	89.0	5,463	9.1	24.10%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.7	-0.6%	0.8	11,682	40.2	13,288	10.7	85.30%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.1	3.2%	1.4	8,404	135.3	3,718	22.6	48.94%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.9	-1.8%	1.2	9,597	60.5	4,705	17.8	8.04%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.8	3.0%	1.4	3,200	46.3	3,553	14.3	7.85%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.9	-0.4%	1.7	5,144	93.9	987	12.1	8.02%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.8	0.0%	1.3	7,439	24.0	1,307	15.9	16.55%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.6	0.2%	1.6	12,900	188.3	1,548	13.9	7.34%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.7	0.0%	1.4	17,777	27.1	2,720	14.6	5.45%	14.6%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký